

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2022
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chăm Văn Tô
2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngân Thị S, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tiểu khu B, M, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn U, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tiểu khu B, M, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngân Thị S trình bày như sau:

Chị và anh Bùi Văn U kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 31/01/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U không chung thủy với vợ, không chăm lo cho gia đình. Đến năm 2014 anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân anh chị cũng không hỏi han hay liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn, không thể tiếp tục chung sống được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Hương Giang, sinh ngày 07/03/2012, từ khi sống ly thân cháu Giang ở với anh U, anh U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Giang. Chị cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Giang cho đến khi cháu trưởng thành. Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh U. Tuy nhiên anh U vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án mà không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Căn cứ Điều 208 BLTTDS và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú.

Tòa án đã tiến hành triệu tập lấy lời khai và Hòa giải nhiều lần, nhưng anh U vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Chị S có đơn không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị S và anh U tại địa phương nơi anh U cư trú và gia đình anh U. Qua xác minh xác định: Chị S và anh U kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống tại tiểu khu Bình Minh, xã Cò Nòi,

huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nguyên nhân dẫn đến chị S có đơn xin ly hôn là do anh U cũng không chung thủy với vợ, vợ chồng ghen tuông hay xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Bùi Hương Giang có nguyện vọng được ở với bố là anh Bùi Văn U sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 đối bà Lưu Thị Hiền, sinh năm 1956 (mẹ đẻ của anh U) xác định việc kết hôn giữa hai cháu S và U là đúng như cháu S đã tự khai với Tòa án, sau khi kết hôn hai cháu ở chung với bà được hai năm thì các cháu sống ly thân, trong quá trình chung sống hai cháu hay xảy ra mâu thuẫn cháu U thì đi với gái cháu S thì đi với trai cả hai đều không chung thủy với nhau, sau khi cháu U đi làm ăn ở Hà Nội cháu S thì bỏ về bên ngoại ở Chiềng Khừa Mộc Châu sinh sống. Khi Tòa án gửi các giấy triệu tập và các thông báo đến gia đình tôi đều điện thoại thông báo cho cháu U và chụp ảnh giấy triệu tập gửi bằng zalo trực tiếp cho cháu U và đã được cháu U phản hồi lại là cháu đang đi làm lại sắp tết nhiều việc nên công ty không cho nghỉ để về được theo giấy triệu tập của Tòa án, còn việc ly hôn thì cháu nhất trí với ý kiến của chị S.

Sau khi thẩm phán thông qua nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngân Thị S và anh Bùi Văn U. Về con chung. Giao cháu Bùi Thị Hương Giang cho anh Bùi Văn U trực tiếp nuôi dưỡng

chăm sóc và giáo dục chị S nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh U mỗi tháng là 1.000.000VNĐ. tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 01/11/2022, chị Ngân Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Bùi Văn U: Nơi đăng ký nhân khẩu: Tiểu khu Bình Minh, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 43/TLST- HNGĐ ngày 04/11/2022 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập họp lệ đối với anh Bùi Văn U trong các buổi tham gia làm việc tại Tòa án. Tuy nhiên anh U vắng mặt không có lý do. Và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S. Chị S cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi ở phiên Tòa: Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập nhiều lần họp lệ đối với các đương sự. Anh U đã được tổng đạt quyết định xét xử họp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp tại phiên Tòa cũng không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh Bùi Văn U.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Ngân Thị S và Anh Bùi Văn U tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/01/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh U không chung Thủy với vợ. Mặc dù anh chị cũng đã được gia đình cùng chính quyền hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Đến năm 2014 anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, anh chị cũng không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S, anh U mâu

thuần đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh U.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Hương Giang, sinh ngày 07/03/2012. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án thu thập được, HĐXX xét thấy: Từ khi anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay cháu Giang là do anh U nuôi dưỡng chăm sóc và có mẹ đẻ của anh U là bà Lưu Thị Hiền cùng chăm sóc cháu và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Bùi Hương Giang cho anh U chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị S nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh U mỗi tháng là 1.000.000VNĐ cho đến khi cháu Giang trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị S xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Chị Ngân Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngân Thị S và anh Bùi Văn U.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hương Giang sinh ngày 07/03/2012 cho anh Bùi Văn U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận việc chị S tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh U mỗi tháng là 1.000.000VNĐ cho cháu Bùi Hương Giang cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị S được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Ngân Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002297 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Chị Ngân Thị S phải nộp tiếp số tiền là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tênh